TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2019/DS-PT
Ngày: 15-5-2019
V/v tranh chấp bồi thường
thiệt hại về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thinh

Các thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Vân

Bà Lê Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Khúc Tân Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Sự - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 15 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2019/TLPT-DS, ngày 02 tháng 01 năm 2019, về "Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản"; do Bản án dân sự sơ thẩm số: 149/2018/DS-ST, ngày 23 tháng 11 năm 2018, của Tòa án nhân dân thành phố A3 bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 26/2019/QĐ-PT, ngày 02 tháng 3 năm 2019; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị G, sinh năm 1973; nơi cư trú: Số 205, đường Liên Xã 12A, ấp A1, xã A2, thành phố A3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà G: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1949; cư trú tại: Số 165, quốc lộ 22, khu phố 4, Nội Ô thị trấn D1, huyện D2, tỉnh Tây Ninh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 12-02-2018), có mặt.

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn V (gọi tắt là Công ty V); địa chỉ trụ sở: Số 629, đường Trần Văn B, tổ 23, ấp B1, xã A2, thành phố A3, tỉnh Tây Ninh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Ngọc H, sinh năm 1977; cư trú tại: Số 80, đường Trưng Nữ C, khu phố C1, Phường C2, thành phố A3, tỉnh Tây Ninh là giám đốc công ty.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Lê Phước M, sinh năm 1995; cư trú tại: Số 493, đường Bời L, khu phố T1, phường T2, thành phố A3, tỉnh Tây Ninh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 20-3-2018), có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Ông Lâm Văn W, sinh năm 1957; cư trú tại: Số 4, ấp K1, xã K2, huyện K3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông W: Anh Dương Lê S, sinh năm 1987; cư trú tại: Số 493, đường Bời L, khu phố T1, phường T2, thành phố A3, tỉnh Tây Ninh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 20-3-2018), có mặt.

- Ông Vũ Ngọc H, sinh năm 1977 và bà Trần Thị Ngọc X, sinh năm 1981; cùng cư trú tại: Số 80, đường Trưng Nữ C, khu phố C1, Phường C2, thành phố A3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông H, bà X: Anh Lê Phước M, sinh năm 1995; cư trú tại: Số 493, đường Bời L, khu phố T1, phường T2, thành phố A3, tỉnh Tây Ninh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 26-9-2018), có mặt.

- Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1956; cư trú tại: Y 2, thị trấn R1, huyện R2, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà Huỳnh Thị G là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26-02-2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Huỳnh Thị G trình bày:

Ngày 04-5-2017, bà ký Hợp đồng với ông Lâm Văn W để thuê phần đất diện tích 8.982 m^2 thuộc thửa đất số 121, tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại ấp B1, xã A2, thành phố A3, tỉnh Tây Ninh để làm sân phơi vỏ lụa mì và trồng nấm; thời gian thuê là 12 tháng tính từ ngày 04-5-2017 với giá 17.000.000 đồng/năm.

Sau khi thuê đất, bà làm lán trại để ở và nhà trồng nấm, đổ vỏ lụa mì để phơi và dùng làm nấm; bà sử dụng đến ngày 17-11-2017 thì Công ty V cho xe đổ đất, san lấp vỏ lụa mì của bà, đồng thời treo biển Công ty để xác định chủ quyền sử dụng đất. Bà có đề nghị Công ty cho bà sử dụng đất đến ngày mãn hợp đồng thuê đất sẽ trả lại đất nhưng Công ty V không đồng ý, khóa cổng và không cho bà sử dụng. Việc không cho bà tiếp tục sử dụng đất bà đã thuê của ông H và việc Công ty V san lấp mặt bằng làm thiệt hại cho bà như sau:

1. Mất tiền cọc mua vỏ lụa mì của ông Lê Văn F là 150.000.000 đồng. Do bà hợp đồng mua 600 tấn vỏ lụa mì theo hợp đồng ngày 10-10-2017 để làm nấm, ông F mới giao được 02 xe thì bị Công ty V không cho vào đất nên phải ngưng. Do không còn nơi làm nấm nên không tiếp tục mua và phải mất tiền theo hợp đồng đã ký.

2. Tiền vỏ lụa mua của ông Dương Thành Z ngày 15-5-2017 với số lượng 500 xe, giá 250.000 đồng/xe, thành tiền 125.000.000 đồng; toàn bộ số vỏ lụa mì này có trên phần đất đã thuê.

3. Thiệt hại các tài sản trên đất gồm nhà làm nấm, nhà tạm để ở và đồ dùng làm nấm là 52.000.000 đồng.

Tổng số tiền bị thiệt hại là 327.830.000 đồng. Bà G yêu cầu Công ty V và ông W bồi thường số tiền nêu trên và tính lãi theo mức lãi suất 0,75%/tháng từ ngày 17-11-2017 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Bị đơn - Công ty TNHH V trình bày: Ngày 27-10-2017, Ông Vũ Ngọc H và vợ là bà Trần Thị Ngọc X nhận chuyển nhượng phần đất của Ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị E, đất thửa số 121, tờ bản đồ 30, diện tích 8.982 m^2. Mặc dù khi ký hợp đồng chuyển nhượng là ký với vợ chồng ông Q, nhưng người trực tiếp dẫn ông H đi xem đất và thỏa thuận giá cả là ông Lâm Văn W. Trước khi nhận chuyển nhượng, vào đầu tháng 10-2017, ông H có đến xem đất thì thấy trên đất có cái giường, chuồng bò, chuồng gà bỏ hoang và một số thanh tre, tầm vông có dấu hiệu mục nát; ông H hỏi các vật dụng này của ai thì ông W nói của ông W. Ông W hẹn với ông H là 15 ngày sau khi chuyển nhượng đất sẽ dọn sạch. Quá thời gian hẹn, ông W vẫn chưa thực hiện nên ông H giao đất cho Công ty V và Công ty thuê người dọn dẹp các vật dụng trên đất đưa về phía trước cho ông W chở đi thì bị bà G ngăn cản, tranh chấp nên Công ty dừng việc san lấp mặt bằng. Đến khi công an thành phố A3 mời làm việc do bà G có đơn tố giác về việc hủy hoại tài sản đối với Công ty TNHH V thì ông H mới biết bà G đang thuê đất của ông H. Công ty ngưng việc san ủi mặt bằng và chờ cơ quan công an thành phố A3 giải quyết, sau khi công an thành phố A3 cho phép tiếp tục làm công ty mới thực hiện việc san ủi và xây dựng. Công ty V không có lỗi nên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà G.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - ông Lâm Văn W do người đại diện trình bày tại bản tự khai đề ngày 21-3-2018: Ngày 04-5-2017, ông W chỉ ký với ông Lê Văn I 01 bản hợp đồng thuê đất và bản chính do ông I giữ, còn bản do bà G cung cấp là hợp đồng giả tạo. Ông W và ông I có thỏa thuận nếu bán được đất thì sẽ thông báo trước cho ông I biết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26-8-2018 người đại diện hợp pháp của ông W xác định lại là ký hợp đồng cho thuê đất với cả ông I và bà G. Ông W nhận tiền từ ông I. Hai bên chỉ ký 01 bản hợp đồng viết tay giao cho ông I và bà G giữ. Bản hợp đồng bà G cung cấp cho Tòa án bị xé phần dưới. Phần bị xé rách có nội dung: *"Khi chủ đất đã ký hợp đồng với ông I và bà G, nếu chủ đất bán đất cho người khác trong vòng 03 tháng thì tôi sẽ hỗ trợ 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền di dời. Nếu ông I và bà G thuê được hơn 03 tháng thì ông W không hỗ trợ tiền di dời mà phải tự di dời để trả đất"*. Điều này có ông Võ Quang U là người làm chứng ký xác nhận. Ông I và bà G đã sử dụng đất trên 03 tháng, nên ông W cũng không hỗ trợ tiền di dời cho bà G khi đất được sang nhượng cho người khác. Ông W không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà G về việc yêu cầu ông W cùng với Công ty V bồi thường số tiền là 327.830.000 đồng và tiền lãi.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Vũ Ngọc H, bà Trần Thị Ngọc X và người đại diện hợp pháp trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của Công ty V.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị E trình bày: Phần đất có diện tích 8.982 m^2, tọa lạc ấp B1, xã A2, thành phố A3,

tỉnh Tây Ninh là của ông, bà. Ông, bà có giao cho ông W quản lý và trồng cây ngắn ngày vì đất đang kêu bán và cũng không biết bán được lúc nào. Trước khi chuyển nhượng cho ông H, ông, bà không biết ông W có cho bà G thuê, đến khi có tranh chấp mới biết. Nay ông, bà đã chuyển nhượng xong nên không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ kiện này.

Người làm chứng là ông Võ Quang U trình bày tại bản khai ngày 18-5-2018: Vào ngày 05-4-2017, ông W có cho bà G và ông I thuê đất nên bà G và ông I nhờ ông ký làm chứng. Tuy nhiên, sau khi xem bản giấy thuê đất do bà G xuất trình tại Tòa án thì đã bị xé bỏ phần phía dưới. Phần phía dưới có ghi nội dung *"Khi chủ đất đã ký hợp đồng với ông I và bà G, nếu chủ đất bán đất cho người khác trong vòng 03 tháng thì tôi sẽ hỗ trợ 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền di dời. Nếu ông I và bà G thuê được hơn 03 tháng thì ông W không hỗ trợ tiền di dời mà phải tự di dời để trả đất"*

Người làm chứng là ông Lê Văn I trình bày: Vào ngày 05-4-2017 ông và bà G hùn nhau thuê đất của ông W để làm nấm như lời trình bày của ông W, đến tháng 9-2017 ông nhượng lại phần hùn cho bà G. Khi còn làm chung, ông và bà G thuê đất xong sửa lại chuồng bò lợp tôn mới và một phần tôn cũ; dựng nhà làm nấm dọc theo hàng rào, ngang 4 mét, dài khoảng 220 mét, cột làm bằng tre gai, phía trên làm bằng cây tầm vông và kẽm, lợp bằng bọc ny lông đen, phía dưới lót tăng sọc. Đã đưa vào sử dụng làm nấm 2 cây, mỗi cây dài 50 mét. Khi ông nghỉ vào tháng 9-2017 ông thấy tăng che vỏ miễn mì bị mục rách, nhà làm nấm có chỗ bị đổ ngã do trời mưa; bọc ni lông che mái có nhiều chỗ bị rách. Vật tư mua tại cửa hàng vật liệu xây dựng trong chợ Long Hoa; chi phí vật tư hết khoảng 60.000.000 đồng, tiền công 20.000.000 đồng

Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 16-8-2018 của Tòa án nhân dân thành phố A3 thể hiện: Trên phần đất thuộc thửa số 121, tở bản đồ số 30; tọa lạc tại ấp B1, xã A2, thành phố A3 (mà trước đây bà G thuê phơi vỏ lụa mì và làm nấm rơm) không còn tài sản nào của bà G, hiện Công ty V đã xây nhà xưởng.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 149/2018/DS-ST, ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố A3 đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị G yêu cầu Công ty TNHH V và ông Lâm Văn W bồi thường số tiền số tiền 357.826.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà G phải chịu 17.891.000 đồng, đã nộp tạm ứng án phí 8.195.000 đồng, bà G còn phải nộp thêm 9.696.000 đồng.

Về chi phí thẩm định: Bà G phải chịu 300.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04-12-2018, bà G kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà G và người đại diện theo ủy quyền rút một phần yêu cầu khởi kiện, một phần yêu cầu kháng cáo đối với yêu cầu Công ty V và ông W bồi thường số vỏ lụa mì mua của ông Lê Văn F là 150.000.000 đồng; chỉ yêu cầu Công ty V bồi thường Tiền vỏ lụa mua của ông Dương Thành Z là 125.000.000 đồng và các tài sản trên đất gồm nhà làm nấm, nhà tạm để ở và đồ dùng làm nấm là 52.000.000 đồng; tổng cộng yêu cầu Công ty V bồi thường 177.000.000 đồng.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bà G; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà G; buộc Công ty TNHH V và ông W cùng có trách nhiệm bồi thường cho bà G phần tài sản bị thiệt hại thực tế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị G, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bà G khởi kiện yêu cầu Công ty V và ông Lâm Văn W cùng có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản; đáng lẽ cấp sơ thẩm phải yêu cầu bà G sửa chữa, bổ sung đơn khởi kiện theo đúng quy định tại Điều 189 BLTTDS và đưa ông W tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn mới chính xác do bà G yêu cầu Công ty V và ông W bồi thường. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm đã đưa ông W tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng đảm bảo bảo quyền và nghĩa vụ của các đương sự; vấn đề này cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2] Đơn khởi kiện của bà G yêu cầu Công ty V và ông W cùng có trách nhiệm bồi thường cho bà G số tiền 357.826.000 đồng; gồm 3 khoản: Thiệt hại do phải bồi thường hợp đồng cho ông F là 150.000.000 đồng; thiệt hại do số vỏ lụa mì mua của ông Z bị hư hỏng là 125.000.000 đồng và thiệt hại do các đồ dùng làm nấm, lán trại là 52.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm bà G rút một phần yêu cầu đòi bồi thường số tiền 150.000.000 đồng; chỉ yêu cầu Công ty V bồi thường 177.000.000 đồng của 02 khoản là trị giá số vỏ lụa mì mua của ông Z bị hư hỏng và thiệt hại do các đồ dùng làm nấm, lán trại. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà G là tự nguyện, bị đơn cũng đồng ý, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với nội dung này.

[3] Bà G xác định không tranh chấp hợp đồng thuê đất giữa bà với ông W nên Tòa án không xem xét, giải quyết nội dung này. Tuy nhiên, việc xem xét giá trị pháp lý của hợp đồng thuê đất là cần thiết cho việc giải quyết yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của bà G nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét đến tính pháp lý của hợp đồng, không giải quyết nội dung.

Phần đất mà bà G thuê của ông W không phải do ông W là chủ đất, chủ đất là vợ chồng ông Q; còn ông W chỉ được vợ chồng ông Q cho sử dụng tạm để trồng cây ngắn ngày vì đất đang kêu bán. Việc ông W ký hợp đồng cho bà G, ông I thuê đất của người khác khi chưa có văn bản ủy quyền của họ là trái pháp luật. Việc thuê đất không đúng quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức. Do đó, khi vợ chồng ông Q chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông H thì vợ chồng ông Q, vợ chồng ông H đều không biết việc ông W đang cho bà G thuê đất.

[4] Bà G thuê đất ngày 04-5-2017, vợ chồng ông H nhận chuyển nhượng đất ngày 27-10-2017. Khi chuyển nhượng đất, ông W là người đứng ra giao dịch giúp cho vợ chồng ông Q nhưng ông W không thông báo hoặc giải quyết để bà G di dời các tài sản của bà G ra khỏi đất để bàn giao cho vợ chồng ông H. Ông W cam kết với vợ chồng ông H là tự di dời các tài sản trên đất nhưng không thực hiện nên khi vợ chồng ông H giao đất cho Công ty V san ủi mặt bằng thì tài sản của bà G vẫn còn trên đất. Việc Công ty V san ủi mặt bằng vì cho rằng các tài sản trên đất là của ông W, do ông W không tự di dời như cam kết nên ngày 17-11-2017 Công ty báo cho công an xã A2 về việc di dời tài sản của ông W ra khỏi đất của mình và đang thực hiện việc san ủi thì bị bà G ngăn cản.

[5] Như vậy, việc để xảy ra thiệt hại tài sản của bà G các bên đều có lỗi. Đối với Công ty V, khi thấy ông W không tự di dời tài sản ra khỏi đất của mình thì Công ty có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết, nếu tài sản trên đất là của ông W thì việc Công ty tự di dời khi chưa có sự đồng ý của chủ sở hữu cũng không đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Công ty mới vào đất san ủi, di dời được một phần nhỏ thì đã bị bà G ngăn cản. Đối với ông W, cho bà G thuê đất không thuộc quyền sử dụng của mình, không báo cho bà G thời gian hợp lý để di dời tài sản và khi Công ty yêu cầu giao đất thì không giải quyết thỏa đáng với bà G đối với các tài sản trên đất. Đối với bà G, biết đất đang rao bán nhưng vẫn thuê, không kiểm tra người cho thuê có đúng là chủ đất hợp pháp hay không; thời gian thuê lại ghi ngắn nhất là 03 tháng nhưng thực tế đã sử dụng được gần 6 tháng; khi biết được việc thuê đất là không đúng chủ phải di dời trả đất thì không tự di dời để bảo vệ tài sản của mình; khi Công an thành phố A3 thông báo cho bà G thời gian 15 ngày để di dời tài sản nhưng bà G không thực hiện nên bà G cũng phải chịu một phần trách nhiệm về thiệt hại của mình. Như vậy, việc gây thiệt hại tài sản của bà G thì Công ty V, ông W và bà G đều có lỗi nên phải cùng chịu trách nhiệm về thiệt hại.

[6] Xác định thiệt hại: Đối với số tài sản trên đất, khi Công ty V đưa máy móc vào san ủi thì bà G ngăn cản, bao gồm các đoạn tầm vông, đoạn tre, tôn lợp, tăng ny lông, nệm, đoạn ống nước...Số tài sản này được Công ty thu dọn ra ngoài, ngày 15-3-2018 Công an thành phố A3 thông báo cho bà G biết để đem tài sản về nhưng bà G không chuyển về, bỏ hư hỏng nên bà G phải chịu trách nhiệm, Công ty và ông W không phải bồi thường (Số tài sản này được Công an thành phố A3 thống kê và định giá ngày 12-4-2018 trong đó có những tài sản không đủ cơ sở để định, số còn lại có giá tổng cộng 1.772.000 đồng). Bà G khai đổ 500 xe vỏ lụa mì trị giá 125.000.000 đồng nhưng bà G đã sử dụng một phần vào việc trồng nấm; tại phiên tòa bà G khai sử dụng hết 30%, còn 70% tương đương 87.500.000 đồng, số vỏ lụa mì này Công ty cũng đã dọn một số thành đống để bà G di dời nhưng không

thực hiện (bản ảnh hiện trường do Công an thành phố A3 chụp); nên thiệt hại này bà G phải chịu trách nhiệm 60%, còn lại 40% thiệt hại tương đương 35.000.000 đồng phía Công ty và ông W cùng phải chịu, mỗi người phải chịu 1/2. Do công ty tự nguyện trả cho bà G 20.000.000 đồng nên ghi nhận; phần còn lại ông W phải có trách nhiệm bồi thường cho bà G. Do đó, chấp nhận một phần kháng cáo của bà G, sửa án sơ thẩm.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà G phải chịu án phí trên phần yêu cầu không được chấp nhận, Công ty V và ông W phải chịu án phí trên phần phải bồi thường cho bà G.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà G không phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị G; đình chỉ một phần yêu cầu giải quyết vụ án; sửa bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện "Yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản" của bà Huỳnh Thị G đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn V và ông Lâm Văn W.

1.1. Công ty TNHH V có trách nhiệm bồi thường cho bà Huỳnh Thị G 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng;

1.2. Ông Lâm Văn W có trách nhiệm bồi thường cho bà Huỳnh Thị G 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị G phải chịu 7.100.000 (bảy triệu một trăm ngàn) đồng, bà G đã nộp tạm ứng án phí 8.195.000 đồng theo biên lai thu số 0005112 ngày 07-3-2018, hoàn trả cho bà G 1.095.000 đồng.

Công ty TNHH V phải chịu 1.000.000 (một triệu) đồng án phí.

Ông Lâm Văn W phải chịu 750.000 (bảy trăm năm mươi ngàn) đồng

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà G không phải chịu. Hoàn trả cho bà G 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0006229 ngày 04-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố A3.

4. Về chi phí thẩm định: Bà G phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ghi nhận đã nộp xong.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố A3;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- CCTHADS thành phố A3;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã Ký

Đỗ Văn Thinh